

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 219/2023/HS-ST

Ngày: 08-8-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Vỵ - Cán bộ hưu trí.

2. Bà Bùi Lê Phương Thảo - Bí thư đoàn phường P.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Quốc Cường - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 57/2023/TLST-HS ngày 27 tháng 02 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2023/QĐXXST-HS ngày 27/4/2023, Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 85/2023/TB-TA ngày 11/5/2023, Thông báo về thời gian mở phiên tòa số 130/2023/TB-TA ngày 14/7/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 143/2023/HSST-QĐ ngày 01/8/2023 đối với các bị cáo:

1. Trần Đăng T, sinh ngày: 19/10/2004 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Tổ dân phố N, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đăng T1, sinh năm 1977 và bà Huỳnh Thị T2, sinh năm 1983; vợ, con: Không có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23/8/2022 cho đến nay. Có mặt.

2. Phan Quang D, sinh ngày: 21/12/2004 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Thôn A, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn M, sinh năm 1969 và bà Phan Thanh T3, sinh năm 1980; vợ, con: Không có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23/8/2022 cho đến nay. Có mặt.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Trần Đăng T: Ông Trần Đăng T1, sinh năm 1977 và bà Huỳnh Thị T2, sinh năm 1983; cùng địa chỉ: Tổ dân phố N, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Đều có mặt.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Phan Quang D: Ông Phan Văn M, sinh năm 1969 và bà Phan Thanh T3, sinh năm 1980; cùng địa chỉ: Thôn A, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Đều có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Trần Đăng T: Bà Nguyễn Thị Ngọc Á - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Phan Quang D: Bà Trương Thị Hồng N - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T. Có mặt.

- Người đại diện hợp pháp của bị hại Trần Văn P (đã chết): Ông Trần D1, sinh năm 1969 và bà Hà Thị X, sinh năm 1966. Cùng địa chỉ: Tổ dân phố H, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Đều có mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông D1, bà X: Chị Trần Thị T4, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ dân phố T, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- Bị hại:

1. Anh Phan Quốc B, sinh ngày 26/10/2005; địa chỉ: Tổ dân phố A, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp: Bà Huỳnh Thị C, sinh năm 1977; địa chỉ: Tổ dân phố A, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

2. Anh Phan Đức T5, sinh ngày 30/5/2006; địa chỉ: Tổ dân phố A, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Thị T6, sinh năm 1979 và ông Phan Văn T7, sinh năm 1975; cùng địa chỉ: Tổ dân phố A, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Đều vắng mặt.

3. Anh Võ Văn T8, sinh ngày 14/9/2005; địa chỉ: Tổ dân phố H, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp: Ông Võ Văn B1, sinh năm 1974 và bà Phan Thị H, sinh năm 1978; cùng địa chỉ: Tổ dân phố H, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Đều vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Hồ Nhật P1, sinh năm 2004; địa chỉ: Tổ dân phố X, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

+ Anh Trần Ngọc Đ, sinh năm 2004; địa chỉ: Tổ dân phố L, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

+ Bà Lê Thị Mỹ L, sinh năm 1971; địa chỉ: Tổ dân phố L, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

+ Bà Phan Thanh T3, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn A, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn X, xã T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

+ Bà Huỳnh Thị T2, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ dân phố N, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

+ Ông Trần Đăng T1, sinh năm 1977; địa chỉ: Tổ dân phố N, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

+ Bà Huỳnh Thị C, sinh năm 1977; địa chỉ: Tổ dân phố A, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- Người làm chứng:

+ Anh Đặng Văn B2, sinh ngày 09/12/2006; địa chỉ: Tổ dân phố A, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: Ông Đặng Văn D2, sinh năm 1975 và bà Nguyễn Thị B3, sinh năm 1980; cùng địa chỉ: Tổ dân phố A, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Đều vắng mặt.

+ Chị Trần Ngô Anh T9, sinh ngày 21/10/2006; địa chỉ: Tổ dân phố H, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp: Bà Ngô Thị M1, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ dân phố H, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

+ Chị Phan Hà Phương V, sinh ngày 28/7/2007; địa chỉ: Tổ dân phố H, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phan Thê S, sinh năm 1983 và Hà Thị M2, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ dân phố H, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

+ Anh Mai N1, sinh năm 2004; địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

+ Chị Phan Thị Kim N2, sinh ngày 13/7/2006; địa chỉ: Tổ dân phố A, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phan Đ1, sinh năm 1980 và bà Ngô Thị H1, sinh năm 1979; cùng địa chỉ: Tổ dân phố A, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Đều vắng mặt.

+ Chị Lê Trần Mỹ T10, sinh ngày 28/10/2007; địa chỉ: Tổ dân phố H, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Ngọc T11, sinh năm 1978 và Trần Thị L2, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ dân phố H, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Điều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mâu thuẫn từ trước, nên Hồ Nhật P1 muốn tìm đánh Đặng Văn B2 mặc dù không biết rõ mặt B2. Vào khoảng 19 giờ ngày 08/4/2022, P1 rủ Trần Đăng T, Phan Quang D và Trần Ngọc Đ tìm đánh B2 thì tất cả đồng ý. Thực hiện ý định, T điều khiển xe mô tô Honda Winner 75H1-680.39 chở D, P1 điều khiển xe mô tô Honda Vario 75B1-467.22 chở Đ cầm một cây kiếm nhật dài 94cm đi về bãi biển T để tìm đánh B2. Tuy nhiên, khi về bãi biển không tìm thấy B2 nên T, D, P1, Đ rủ nhau quay về đánh bida và không tìm đánh B2 nữa. Cả nhóm 04 người điều khiển trên 02 xe mô tô đi theo hướng từ phường T đến xã P, thành phố H. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, khi đến phía trước cột điện số 62 Quốc lộ D đoạn qua xã P, thành phố H thì nhóm T phát hiện một nhóm nam nữ chở nhau đi trên 05 xe mô tô, gồm: Phan Đức T5 điều khiển xe mô tô Yamaha Sirius 75R2-2032 chở theo Võ Văn T8; Phan Quốc B điều khiển xe mô tô Yamaha Sirius 75F1-558.62 chở theo Trần Văn P; Đặng Văn B2 điều khiển xe mô tô chở theo Phan Hà Phương V và Trần Ngô Anh T9; Mai N1 điều khiển xe mô tô chở theo Phan Thị Kim N2; H điều khiển xe mô tô chở theo Lê Trần Mỹ T10.

Lúc này, T nhận ra trong nhóm 05 xe mô tô trên có T5 trước đây từng đuổi đánh T và nghĩ đó là B2 mà P1 tìm đánh nên T nói: “Đây rồi, đây rồi” với mục đích để thông báo cho D, Đ, P1 biết và muốn hỏi P1 xem người Phi muốn đánh có phải là T5 không? Tuy nhiên, P1 chưa có phản ứng gì thì T liền điều khiển xe mô tô chở D quay xe lại đuổi theo xe T5. Khi phát hiện có người rượt đuổi mình thì T5 và B điều khiển xe mô tô tăng tốc, còn các xe trong nhóm bạn của T5 vẫn đi tốc độ bình thường. P1 điều khiển xe mô tô chở Đ cũng quay xe đuổi theo xe T để hỗ trợ T nhưng vừa quay xe thì bị tắt máy nên không đi theo xe T được.

T điều khiển xe mô tô vừa đuổi theo xe mô tô do T5 điều khiển chở T8 vừa nói liên tục với T5 là “Dừng xe lại”, “Dừng xe lại” nhằm mục đích để đánh T5, nhưng T5 không dừng lại mà vẫn điều khiển xe đi nhanh hơn nên T đã tăng tốc và ép xe mô tô do T5 điều khiển về phía bên phải để buộc T5 phải dừng xe, còn D ngồi sau xe T đã dùng tay đâm vào người T8. Hai xe rượt đuổi nhau khoảng 300 mét, khi xe mô tô của T điều khiển chở D đi đến giữa cầu L, thuộc

xã P, thành phố H thì xe của T đi song song với xe mô tô của T5. Lúc này, xe mô tô do B điều khiển chở P cũng đi song song với xe T và xe T5 về phía trong cùng bên phải cầu L theo hướng di chuyển của cả nhóm. Thấy vậy, T vẫn điều khiển xe mô tô tiếp tục ép xe mô tô của T5 khiến tay phải của T đang điều khiển xe mô tô va chạm với tay trái của T5. Din đang ngồi phía sau xe mô tô do T điều khiển dùng bàn chân phải đạp vào đầu gối chân trái của T8 (T8 đang ngồi phía sau xe mô tô của T5 điều khiển).

Chính hành vi này của T và D đã làm xe mô tô do T5 điều khiển mất thăng bằng nghiêng về bên phải rồi va chạm với xe mô tô do B điều khiển phía sau chở P đang di chuyển phía trong bên phải gần như song song với xe của T5, làm xe mô tô do T5 điều khiển chở T8 ngã ra giữa đường và xe mô tô của B chở P bị mất thăng bằng lao lên lề đường bên phải rồi đâm vào tường nhà bên đường ngã xuống. Xe mô tô của T điều khiển mất thăng bằng nghiêng về phía bên trái nhưng không ngã xe nên T điều khiển xe mô tô tăng tốc bỏ chạy. Những người còn lại trong nhóm của T5 thấy xe của T5 và xe của P bị tai nạn thì lo sợ nên bỏ đi về. Xe mô tô do Đ điều khiển chở P1 chạy đến sau cùng nhìn thấy hiện trường tai nạn nên không có lời nói đe dọa và không có hành vi tấn công nào, không thấy T và D nên cũng bỏ đi. Hậu quả làm Trần Văn P tử vong tại hiện trường; Phan Quốc B, Phan Đức T5, Võ Văn T8 bị thương; xe mô tô 75F1-558.62 và xe mô tô biển kiểm soát 75R2-2032 bị hư hỏng.

Tại Bản kết luận pháp y về tử thi số 82-22/TT ngày 06/5/2022 của Trung tâm giám định Y khoa - Pháp y tỉnh T kết luận về nguyên nhân tử vong của Trần Văn P như sau:

1. Chẩn đoán pháp y: đa chấn thương nặng toàn thân (vỡ sập khối sọ mặt, chấn thương gãy hai xương cẳng tay phải) gây chết.

Các tổn thương trên cơ thể trải dài từ đầu xuống tay và chân phù hợp lực va chạm trực tiếp nạn nhân với vật tày cứng ở phương thẳng đứng (tường rào) theo lực di chuyển quán tính cực mạnh tạo nên các thương tổn đối với nạn nhân.

Nồng độ cồn trong máu thu trên nạn nhân sẽ có kết luận bằng văn bản kèm

2. Nguyên nhân chết: đa chấn thương nặng toàn thân do tai nạn giao thông.

Loại trừ mọi nguyên nhân khác.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về hóa pháp số 36-22/HP ngày 19/4/2022 của Trung tâm giám định Y khoa - Pháp y tỉnh T kết luận: Trong mẫu máu của anh Trần Văn P được thu giữ vào ngày 08/4/2022 có hàm lượng cồn trong máu là 47,3mg/100ml.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tổn thương cơ thể số 248-22/TgT ngày 20/6/2022 của Trung tâm giám định Y khoa - Pháp y tỉnh T kết luận thương tích của Phan Quốc B:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

Chấn thương sọ não - máu tụ ngoài màng cứng bán cầu phải điều trị nội khoa, không có di chứng thần kinh: 16%.

Chấn thương nứt sọ thái dương phải lan xuống xương đá phải và nền sọ: 20%.

Vỡ xương đá phải biến chứng liệt mặt ngoại biên phải (liệt dây thần kinh số VII phải): 16%.

Chấn thương mắt phải tổn thương thần kinh thị hậu nhãn hiệu mù mắt phải/thị lực mắt trái bình thường: 41%.

Chấn thương gãy phần trên, trong xương bả vai phải, không ảnh hưởng chức năng: 6%.

Chấn thương gãy đầu ngoài xương đòn phải, không ảnh hưởng chức năng: 6%.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể hiện tại là: 71%.

3. Vật gây: Các tổn thương do tác động tương hỗ với diện tày lớn. Thời gian hình thành tổn thương phù hợp với thời điểm xảy ra chấn thương vào ngày 08/4/2022.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tổn thương cơ thể số 176-22/TgT ngày 09/5/2022 của Trung tâm G kết luận về thương tích của Phan Đức T5 như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

Chạm thương phần mềm cánh tay và khuỷu tay phải để lại vết biến đổi da, không ảnh hưởng chức năng: 1%.

Chạm thương phần mềm khuỷu tay trái để lại vết biến đổi sắc tố da, không ảnh hưởng chức năng: 0,5%.

Chạm thương phần mềm hông trái để lại vết biến đổi sắc tố da: 0,5%.

Chạm thương phần mềm ngón I chân trái để lại vết biến đổi sắc tố da: 0,5%.

Chạm thương phần mềm ngón I, II chân phải để lại vết biến đổi sắc tố da: 1%.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể hiện tại là: 3%.

3. Vật gây, cơ chế hình thành, thời gian hình thành: Các tổn thương do ma sát với diện tày nhám. Thời gian tổn thương phù hợp với thời điểm xảy ra chấn thương vào ngày 08/4/2022.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tổn thương cơ thể số 172-22/TgT ngày 10/5/2022 của Trung tâm giám định Y khoa - Pháp y tỉnh T kết luận về thương tích của Võ Văn T8 như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

Vết thương phần mềm vùng gối phải và cổ tay phải để lại 02 vết biến đổi sắc tố da không ảnh hưởng chức năng. 1%

Vết thương phần mềm vùng gan bàn tay trái để lại vết sẹo nhỏ không ảnh hưởng chức năng. 1%

Tổn thương vùng đầu hiện đã lành không còn dấu vết. 0%

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể hiện tại là: 2%.

3. Vật gây, chiều hướng: Vật tày.

Tại Bản kết luận giám định số 217/KL-KTHS ngày 15/5/2022 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận về dấu vết cơ học giữa các xe mô tô như sau:

- Xe mô tô biển kiểm soát 75F1-558.62 (xe B chở P) và xe mô tô biển kiểm soát 75R2-2032 (xe T5 chở T8) có va chạm với nhau. Vùng chạm đầu tiên giữa hai phương tiện nêu trên là tại các chi tiết của xe mô tô biển kiểm soát 75F1-558.62 gồm: mặt trên và mặt trước đầu mút bàn đạp chân phía sau bên trái, mặt dưới phía trước bên trái ốp kim loại bảo vệ phía dưới lốc máy, mặt ngoài phía dưới yếm trái với các chi tiết của xe mô tô biển kiểm soát 75R2-2032 gồm: mặt dưới phía sau ống xả, mặt ngoài bàn đạp phanh, mặt sau bàn đạp chân trước bên phải, phù hợp với cơ chế va chạm theo chiều hướng từ trên xuống dưới, từ sau tới trước xe mô tô biển kiểm soát 75F1-558.62 và từ dưới lên trên, từ trước ra sau của xe mô tô biển kiểm soát 75R2-2032.

- Không tìm thấy dấu vết va chạm giữa xe mô tô biển kiểm soát 75H1-680.39 với xe mô tô biển kiểm soát 75F1-558.62 và xe mô tô biển kiểm soát 75R2-2032.

Tại Bản kết luận định giá số 108/KL-HĐĐGTS ngày 20/5/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố H đã xác định giá trị thiệt hại của hai xe mô tô như sau:

Xe mô tô Yamaha Sirius đã qua sử dụng 75R2-2032 có giá trị thiệt hại là 350.000 đồng, xe mô tô Yamaha Sirius 75F1-558.62 có giá trị thiệt hại là 1.370.000 đồng. Tổng giá trị thiệt hại của 02 xe mô tô là 1.720.000 đồng.

Vật chứng thu giữ: 01 xe mô tô Yamaha Sirius 75R2-2032; 01 xe mô tô Yamaha Sirius 75F1-558.62; 01 xe mô tô Honda Winner X 75H1-680.39; 01 xe mô tô Honda Vairo 75B1-467.22; 01 cây kiếm N có lưỡi cong dài 94cm, cán bằng gỗ cuốn vải đen.

Tại bản Cáo trạng số 74/CT-VKSTPH ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố các bị cáo Trần Đăng T và Phan Quang D về tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm a, d khoản 4 Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Trần Đăng T và Phan Quang D phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm a, d khoản 4 Điều 134; điểm n khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91 và Điều 101 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Trần Đăng T và Phan Quang D.

Xử phạt bị cáo Trần Đăng T từ 07 năm 06 tháng đến 07 năm 09 tháng tù.

Xử phạt bị cáo Phan Quang D từ 07 năm đến 07 năm 03 tháng.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 cây kiếm N có lưỡi cong, dài 94cm, cán bằng gỗ cuốn vải màu đen dài 25cm, lưỡi kiếm bị sút ra khỏi cán gỗ, có vỏ kiếm màu đen.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Người bào chữa cho các bị cáo Trần Đăng T và Phan Quang D đồng ý với nội dung bản Cáo trạng và quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Tuy nhiên, những người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, cân nhắc đến nhân thân, hoàn cảnh gia đình của các bị cáo và chính sách pháp luật hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo. Riêng đối với bị cáo Trần Đăng T, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Đăng T 05 năm tù; bị cáo Phan Quang D 04 năm tù.

Ý kiến và lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo thừa nhận hành vi của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H đã truy tố. Các bị cáo nhận thức hành vi của mình là sai, vi phạm pháp luật. Mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định

của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Xét hành vi của các bị cáo, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ khẳng định:

Vào khoảng 20 giờ 00 phút ngày 08/4/2022, tại cầu L thuộc xã P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, Trần Đăng T muốn đánh Phan Đức T5 nên T đã có hành vi điều khiển xe mô tô chở Phan Quang D đuổi theo và chèn ép xe mô tô của T5 đang điều khiển chở Võ Văn T8 phía sau, tạo điều kiện cho D có hành vi dùng chân đạp vào chân T8 khiến xe mô tô do T5 điều khiển va chạm vào xe mô tô do Phan Quốc B điều khiển chở Trần Văn P đang chạy song song cùng chiều bên phải với xe của T và T5. Chính hành vi của T và D đã làm xe mô tô của T5 ngã xuống đường và va chạm với xe mô tô của B điều khiển làm mất thăng bằng, sau đó lao lên lề đường và va vào nhà dân. Hậu quả Trần Văn P tử vong tại hiện trường, Phan Quốc B bị thương tích 71%, Phan Đức T5 bị thương tích 3%, Võ Văn T8 bị thương tích 2%, hai xe mô tô bị hư hỏng.

Chỉ vì mâu thuẫn nhỏ nhặt mà các bị cáo cố ý gây thương tích cho các bị hại đã thể hiện tính chất côn đồ theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự. Do hậu quả làm Trần Văn P tử vong và tỷ lệ tổn thương cơ thể của Phan Quốc B là 71% nên các bị cáo phạm vào tình tiết tăng nặng định khung được quy định tại điểm a, d khoản 4 Điều 134 Bộ luật Hình sự đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H đã truy tố.

[3] Xét căn cứ quyết định hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Đây là vụ án đồng phạm nhưng mang tính chất giản đơn, trong đó Trần Đăng T vừa là người khởi xướng, vừa là người thực hành nên phải chịu trách nhiệm chính. Phan Quang D là người thực hành tích cực nên chịu trách nhiệm với vai trò đồng phạm. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác, gây ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy cần phải xét xử nghiêm minh, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục. Các bị cáo sử dụng xe mô tô là phương tiện có khả năng gây nguy hại cho nhiều người để phạm tội nên đã phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm n khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Các bị cáo đều có nhân thân tốt, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Việc người bào

chữa cho bị cáo đề nghị áp dụng điểm t khoản 1 Điều 51 đối với bị cáo Trần Đăng T và áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với cả hai bị cáo là không có cơ sở nên không chấp nhận.

Về mức hình phạt, Hội đồng xét xử xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất và mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội đối với các bị cáo thấy rằng nếu các bị cáo T và D là người đã thành niên thì cần xử phạt bị cáo Trần Đăng T với mức án là 07 năm 08 tháng tù; xử phạt bị cáo Phan Quang D với mức án là 07 năm 04 tháng tù là phù hợp. Tuy nhiên, các bị cáo khi phạm tội đều là người đủ 16 tuổi nhưng chưa đủ 18 tuổi nên cần áp dụng thêm Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự để xử phạt các bị cáo mức án tương ứng $3/4$ mức hình phạt đối với người đã thành niên, cụ thể: bị cáo Trần Đăng T ($07 \text{ năm } 08 \text{ tháng} \times 3/4 = 05 \text{ năm } 09 \text{ tháng}$); bị cáo Phan Quang D ($07 \text{ năm } 04 \text{ tháng} \times 3/4 = 05 \text{ năm } 06 \text{ tháng}$).

[4] Hồ Nhật P1 là người rủ rê Trần Đăng T, Phan Quang D, Trần Ngọc Đ đi tìm đánh Đặng Văn B2. Do cả nhóm không tìm thấy B2 tại bãi biển T nên đã từ bỏ ý định tìm đánh Bôn để quay về. P1 và Đ không tham gia giúp sức, không hỗ trợ các bị cáo T và D trong quá trình rượt đuổi nhóm bị hại. Khi Đ chở P1 đến cầu L thì tai nạn đã xảy ra, bị cáo T và D đã chấm dứt hành vi gây thương tích cho người khác nên P1 và Đ không là đồng phạm trong vụ án này. Công an thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế đã xử phạt hành chính về hành vi “Mang theo vũ khí thô sơ nhằm mục đích cố gây thương tích cho người khác” của Hồ Nhật P1 là có căn cứ.

Đối với ông Trần Đăng T1 đã cho bị cáo Trần Đăng T mượn xe nhưng khi cho mượn, ông T1 không biết T sử dụng xe để thực hiện hành vi phạm tội nên không có cơ sở để xử lý.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo Trần Đăng T và Phan Quang D đã tác động gia đình mình cùng với gia đình Hồ Nhật P1 và Trần Ngọc Đ bồi thường tổng số tiền 160.000.000 đồng theo yêu cầu của người đại diện hợp pháp của bị hại Trần Văn P; bồi thường số tiền 68.000.000 đồng cho bị hại Phan Quốc B. Đại diện hợp pháp của bị hại Trần Văn P và bị hại Phan Quốc B đã nhận đủ số tiền và đều có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của bị hại Trần Văn P và bị hại Phan Quốc B đề nghị nếu sau này các bị cáo và gia đình có điều kiện thì tiếp tục quan tâm, hỗ trợ thêm, ngoài ra không ai có ý kiến gì thêm.

[6]. Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại 01 xe mô tô Yamaha Sirius 75R2-2032, 01 xe mô tô Yamaha Sirius 75F1-558.62, 01 xe mô tô Honda Winner X 75H1-

680.39 và 01 xe mô tô Honda Vairo 75B1-467.22 cho các chủ sở hữu hợp pháp.

Đối với 01 cây kiếm Nhật có lưỡi cong, dài 94cm, cán bằng gỗ cuộn vải màu đen dài 25cm mà Hồ Nhật P1 mang theo cần tịch thu tiêu hủy.

[7]. Về án phí: Buộc mỗi bị cáo Trần Đăng T và Phan Quang D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Trần Đăng T và Phan Quang D phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm a, d khoản 4 Điều 134; điểm n khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91 và Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Xử phạt bị cáo Trần Đăng T 05 (năm) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (Ngày 23/8/2022).

- Xử phạt bị cáo Phan Quang D 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (Ngày 23/8/2022).

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên:

Tịch thu tiêu hủy 01 cây kiếm N có lưỡi cong, dài 94cm, cán bằng gỗ cuộn vải màu đen dài 25cm, lưỡi kiếm bị sút ra khỏi cán gỗ, có vỏ kiếm màu đen.

Vật chứng trên đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/02/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

3. Về án phí: Buộc các bị cáo Trần Đăng T và Phan Quang D mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT. Huế;
- VKSND tỉnh TT. Huế;
- Sở Tư pháp TT. Huế;
- PV06 CA tỉnh TT. Huế;
- VKSND thành phố H;
- CA thành phố H;
- CC THADS thành phố H;
- Bị cáo;
- ĐD hợp pháp của bị cáo;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Bị hại;
- ĐD hợp pháp của bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Lê Văn Hạnh